TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 30 - 7 - 2024.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hoàng Tha.

Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lai Thành Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 23/4/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Nguyên vào năm 2012, bà Huỳnh Thị T và ông Lai Thành Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 198, ngày 12/12/2012. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 và đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên ông, bà sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 người con chung tên Lai Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 20/9/2014, hiện con chung Đg

sống cùng với bà T. Quá trình chung sống ông, bà không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lai Thành Đ; về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lai Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 20/9/2014 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Lai Thành Đ cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung, nợ chung không có nên bà T không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Lai Thành Đ: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ, nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông Đ vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Lai Thành Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Lai Thành Đ chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Lai Thành Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; giao cháu Lai Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 20/9/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, ông Đ không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/4/2024, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà Huỳnh Thị T và ông Lai Thành Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, giấy chứng nhận kết hôn số 198, ngày 12/12/2012. Bà T yêu cầu xin được ly hôn với ông Lai Thành Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con chung theo quy định pháp luật đến khi thành niên, về tài sản chung và nợ chung không có nên yêu cầu gì. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Lai Thành Đ hiện Đg cư trú tại Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long

Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Lai Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ .

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Huỳnh Thị T và ông Lai Thành Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 198, ngày 12/12/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống ông, bà luôn xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cải vã qua lại, mâu thuẫn kéo dài, từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, luôn bất hòa. Ông Đ và bà T đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì ông Đ và bà T có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông Đ và bà T đoàn tụ với nhau nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông Đ vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông Đ và bà T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Đ.

[5] Về con chung: Bà Huỳnh Thị T xác định trong thời gian chung sống, bà T và ông Đ có 01 người con chung là Lai Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 20/9/2014, hiện Đg sống chung với bà T; bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi bà T và ông Đ không sống chung với nhau cho đến nay cháu Đ do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và quá trình giải quyết vụ án cháu Đ có nguyện vọng sống chung với bà T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Đ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Lai Thành Đ mà không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Lai Thành Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lai Thành Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Lai Thành Đ.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lai Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 20/9/2014 cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; ông Lai Thành Đ không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Lai Thành Đ mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Lai Thành Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003392 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Huỳnh Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lai Thành Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã H;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh